TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2020/KDTM-PT
Ngày 28/8/2020
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên

Trong các ngày 29/6, 24/7, 18, 21, 28/8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 58/2020/TLPT-KDTM ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2019/KDTM-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 166/2020/QĐ-PT ngày 12/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2020/QĐ-PT ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q

Trụ sở: số X A, khu phố B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông T.V.A, Giám đốc Công ty;

Người đại diện ủy quyền: Bà L.T.H. Địa chỉ: Z X, phường Q, quận T, thành phố H; có mặt

(Theo giấy ủy quyền số 02/GUQ-QH.DAC ngày 12-5-2020 của Giám đốc)

Bị đơn: Tổng công ty Xây dựng N–Công ty cổ phần

Địa chỉ: X T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông L.A.T - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T.X.H và ông V.T.T. Địa chỉ: Số M ngõ N/V đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; ông H có mặt, ông T vắng mặt

(Theo giấy ủy quyền số 213/TCTXD/UQ ngày 04-6-2019 của Tổng Giám đốc)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Hợp đồng kinh tế số 03/QH-VTNN ngày 11-11-2013 và phụ lục hợp đồng số 01-03/QH – VTNN ngày 02-12-2013 được ký giữa bên bán (bên A) Công ty XNK NLS, đại diện ông P.V.H, Phó Giám đốc Công ty với bên mua (bên B) Công ty TNHH TM XNK Q, đại diện là bà N.T.H, Phó Giám đốc Công ty. Nội dung hợp đồng: Công ty XNK NLS cung cấp tinh bột s cho Công ty TNHH TM XNK Q.

Công ty TNHH TM XNK Q đã trả cho Công ty XNK NLS là 3.725.000.000 đồng để mua hàng. Ngày 06-12-2013 Công ty TNHH TM XNK Q đã nhận được phiếu giao hàng cùng với hóa đơn giá trị gia tăng số 00310 ghi cùng ngày. Công ty TNHH TM XNK Q đến nhận hàng tại kho của Công ty XNK NLS thì không nhận được hàng.

Ngày 18-12-2013, Công ty TNHH TM XNK Q nhận được đề xuất chuyển xe đến để nhận hàng, nhưng cũng không nhận được hàng. Qua nhiều lần đàm phán nhưng Công ty TNHH TM XNK Q cũng không nhận được hàng từ phía Công ty XNK NLS. Sau đó, Công ty XNK NLS có văn bản đề nghị Công ty TNHH TM XNK Q hủy hợp đồng, hóa đơn GTGT, lệnh xuất hàng và cam kết thanh toán lại tiền cho Công ty TNHH TM XNK Q. Công ty XNK NLS đã trả được một phần số tiền cho Công ty TNHH TM XNK Q, cụ thể: Ngày 04-4-2014 đã trả 184.513.720 đồng, ngày 16-5-2014 đã trả 200.000.000 đồng và ngày 25-6-2014 đã trả 348.850.302 đồng; Tổng cộng: 733.364.022 đồng; Số còn lại 2.991.635.978 đồng chưa thanh toán.

Công ty TNHH TM XNK Q yêu cầu Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần hoàn trả 2.991.635.978 đồng; tiền đặt cọc theo hợp đồng vận tải đường thủy từ ngày 04-12-2013 đến ngày 06-01-2014 là 39.095.000 đồng và tiền đặt cọc theo hợp đồng vận tải đường bộ là 25.000.000 đồng; tiền phạt 20%

theo giá trị hợp đồng là 745.000.000đồng và tiền lãi chậm trả do bên bán vi phạm nghĩa vụ giao hàng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Tổng công ty Xây dựng N - CTCP nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân quận Đ về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TM XNK Q. Tổng công ty Xây dựng N – CTCP bác bỏ toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH TM XNK Q, bởi Tổng công ty Xây dựng N – CTCP không ủy quyền cho ông C.V.C thực hiện hợp đồng trên.

Ông C.V.C – Giám đốc Công ty XNK NLS trình bày: Công ty XNK NLS ký hợp đồng kinh tế số 03/QH-VTNN ngày 11-11-2013 và phụ lục hợp đồng số 01-03/QH – VTNN ngày 02-12-2013với Công ty TNHH TM XNK Q về việc mua bán 750 tấn tinh bột s. Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH TM XNK Q đã chuyển cho Công ty XNK NLS tổng số tiền 3.725.000.000 đồng. Công ty XNK NLS đã chỉ đạo Nhà máy chế biến tinh bột s Buôn Z (Nhà máy trực thuộc Công ty XNK NLS do Công ty XNK NLS thuê lại mặt bằng của Công ty TNHH QT từ năm 2010) sản xuất tinh bột s.

Ngày 07-12-2013, Công ty XNK NLS đã sản xuất đủ lượng hàng 723 tấn để giao cho Công ty TNHH TM XNK Q. Do đó Công ty XNK NLS đã xuất hóa đơn, lệnh xuất hàng theo hợp đồng. Khi Công ty TNHH TM XNK Q đưa xe đến nhận hàng thì Công ty TNHH QT cho người chặn xe, giữ toàn bộ lô hàng trong kho để đòi thanh toán tiền thuê Nhà máy, đồng thời yêu cầu Công ty XNK NLS dừng sản xuất, thanh lý hợp đồng thuê nhà máy. Hai bên tìm cách tháo gỡ bất đồng, đề nghị tiếp tục sản xuất tinh bột s nhưng không được Công ty QT chấp thuận. Do Công ty QT chiếm giữ tinh bột s dẫn đến Công ty XNK NLS phải chịu thêm khoản xử lý thuế, theo Quyết định số 11006/QĐ-CT-KTT5 ngày 31-3-2014 của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Công ty XNK NLS đã có văn bản đề nghị Công ty TNHH TM XNK Q hủy hợp đồng, hóa đơn GTGT, lệnh xuất hàng và cam kết thanh toán lại tiền cho Công ty TNHH TM XNK Q. Công ty XNK NLS xác nhận từ ngày 04-04-2014 đến ngày 25-06-2014 trả tiền 3 lần cho Công ty TNHH TM XNK Q, tổng cộng 733.364.022 đồng và nhiều lần xin gia hạn thanh toán.

Đại diện Công ty TNHH TM XNK Q và Công ty XNK NLS thống nhất tiền nợ như sau: tiền hàng chưa hoàn lại: 3.725.000.000 – 733.364.022 = 2.991.635.978 VNĐ; Tiền đặt cọc theo hợp đồng vận tải đường thủy từ ngày 04-12-2013 đến ngày 06-01-2014 là 39.095.000 VNĐ; Tiền đặt cọc theo hợp đồng vận tải đường bộ là 25.000.000 VNĐ; Tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất ngân hàng nhà nước từ ngày 13-11-2013 đến nay là 425.000.000 VNĐ; Tổng cộng: 3.480.730.978 đồng.

Ngày 27-12-2014, hai bên thống nhất, cam kết phương án trả nợ như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất là ngày 30/6/2015, Công ty XNK NLS thanh toán số tiền là 1.500.000.000 VNĐ

- Đợt 2: Chậm nhất ngày 30/9/2015, Công ty XNK NLS thanh toán toàn bộ số tiền còn lại và khoản lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tiền gốc chưa thanh toán.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 08/2018/KDTM-GĐT ngày 21-6-2018 của TAND cấp cao tại Hà Nội nhận định:

"[1] Công ty XNK NLS được thành lập theo Quyết định số 3329/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 29/11/2005 của Bộ N, là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc – thuộc Tổng công ty Xây dựng N(cổ phần hóa ngày 27/01/2015 đổi tên thành Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần sau đây viết tắt là Tổng công ty)

Theo Giấy ủy quyền số 636/TCTXD/UQ ngày 01/7/2013, Công ty XNK NLS được sử dụng dấu của Chi nhánh Tổng công ty ký hồ sơ dự thầu, ký kết hợp đồng kinh tế, làm thủ tục hải quan xuất nhập khẩu hàng hóa đối với hàng xuất nhập khẩu nông lâm sản và vật tư nông nghiệp trong nước và các ngành nghề có chức năng trong giấy phép kinh doanh…, thời hạn ủy quyền từ ngày 01/7/2013 đến ngày 31/12/2013.

[2] Công ty XNK NLS ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH TM XNK Q ngày 11/11/2013 là trong thời hạn Tổng công ty ủy quyền. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay quy định tại Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì Công ty XNK NLS chỉ là đơn vị phụ thuộc Tổng công ty, không độc lập khi tham gia quan hệ dân sự. Giám đốc Công ty XNK NLS chỉ là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty, nhân danh và chịu trách nhiệm thực hiện các công việc theo phạm vi ủy quyền của Tổng công ty khi ký kết hợp đồng. Khi giải quyết vụ án tranh chấp giữa Công ty XNK NLS và Công ty TNHH TM XNK Q thì Tổng công ty mới là chủ thể độc lập, có tư cách pháp nhân tham gia tố tụng nhưng Tòa án nhân dân quận Đ lại xác định Công ty XNK NLS là bị đơn tham gia tố tụng là không đúng quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011) và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao."

Ngày 09-4-2019, Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội có công văn trả lời về kết quả thi hành án:

- Ngày 25-9-2017, Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội đã thu của Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần 270.191.820 đồng và 25.208.180 đồng án phí

- Ngày 11-01-2018, tiếp tục thu 500.000.000 đồng (Số tiền này hiện chưa chi trả cho bên được thi hành án)

- Số còn lại phải thi hành là 2.670.844.180 đồng và lãi suất thi hành án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2019/KDTM-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 41 Điều 42; Điều 50; Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1- Chấp nhận nội dung khởi kiện của Công ty TNHH TM XNK Q yêu cầu Tổng công ty Xây dựng N - CTCP thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

2- Buộc Tổng công ty Xây dựng N - CTCP trả tiền cho Công ty TNHH TM XNK Q là 5.539.170.644đồng (năm tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, một trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng chẵn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]Về án phí: Tổng công ty Xây dựng N - CTCP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 113.539.170đồng. Tổng công ty Xây dựng N - CTCP đã nộp 25.208.180đồng án phí kinh doanh thương mại ngày 25-9-2017, tiếp tục tạm giữ số tiền 500.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ để bảo đảm thi hành án. Công ty TNHH TM XNK Q phải nộp

11.790.425đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 07055 ngày 16-10-2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Tổng công ty Xây dựng N – CTCP kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần phải trả cho Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q số tiền hơn 5.500.000.000 đồng là thiếu cơ sở pháp lý.

Tại phiên tòa hôm nay: Các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung đơn kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí tòa án, xử: Bác kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Đơn kháng cáo của Tổng công ty Xây dựng N - CTCP được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

-Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q với Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 03/QH-VTNN ngày 11/11/2013 và phụ lục hợp đồng số 01-03/QH-VTNN ngày 02/12/2013, nên là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần có địa chỉ tại X T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn:

Về tố tụng: Công ty Xuất nhập khẩu NLS được thành lập theo quyết định số 3329/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 29/11/2005 của Bộ N là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc, thuộc Tổng công ty Xây dựng N, nay là Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần. Theo Luật doanh nghiệp thì Công ty Xuất nhập khẩu NLS là một chi nhánh của Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần. Vì vậy, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tham gia các giao dịch khác của Công ty Xuất nhập khẩu NLS mang tư cách là người đại diện của Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần và phải chịu trách nhiệm trước Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần là bị đơn trong vụ án này là đúng pháp luật. Án sơ thẩm đưa Công ty Xuất nhập khẩu NLS là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng.

Ngày 22/10/2014 Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội thụ lý hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 68/2014/TLST-KDTM giữa nguyên đơn là Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q với bị đơn là Công ty Xuất nhập khẩu NLS và đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2015/QĐST-KDTM ngày 07/01/2015 và quyết định này đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy vì xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn không đúng pháp luật. Nhưng sau khi Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý lại để giải quyết thì không hướng dẫn nguyên đơn viết lại đơn khởi kiện để thay đổi bị đơn là Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần là vi phạm Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sai sót này không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Ngày 11/11/2013 Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q do bà N.T.H – Phó giám đốc công ty và đại diện Công ty Xuất nhập khẩu NLS ký hợp đồng kinh tế số 03/QH-VTNN và phụ lục hợp đồng số 01-03/QH-VTNN ngày 02/12/2013 về việc mua bán 750 tấn tinh bột s với giá 3.725.000.000 đồng trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận. Sau khi ký hợp đồng Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q đã chuyển cho Công ty Xuất nhập khẩu NLS

3.725.000.000 đồng nhưng Công ty Xuất nhập khẩu NLS không giao được hàng vì Công ty trách nhiệm hữu hạn QT không cho xuất hàng với lý do để đòi tiền thuê nhà máy mà Công ty Xuất nhập khẩu NLS chưa thanh toán, đồng thời yêu cầu Công ty Xuất nhập khẩu NLS dừng sản xuất. Vì vậy Công ty Xuất nhập khẩu NLS đã có văn bản đề nghị Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q hủy hợp đồng mua bán tinh bột s và hóa đơn giá trị gia tăng, lệnh xuất hàng và cam kết trả lại toàn bộ số tiền đã nhận.

Từ ngày 04/4/2014 đến ngày 25/6/2014 Công ty Xuất nhập khẩu NLS đã trả 3 lần tổng số tiền là 733.364.022 đồng.

Sau khi ký hợp đồng mua 750 tấn tinh bột s, Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q đã ký hợp đồng vận chuyển số tinh bột s trên với công ty đường thủy nên đã đặt cọc 39.095.000 đồng, đồng thời ký hợp đồng vận chuyển đường bộ và đã đặt cọc 25.000.000 đồng. Cả hai số tiền đặt cọc này Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q không đòi lại được.

Ngày 27/12/2014 Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q và Công ty Xuất nhập khẩu NLS đã lập biên bản xác nhận Công ty Xuất nhập khẩu NLS còn nợ Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q tổng cộng là 3.480.730.978 đồng. Đồng thời cam kết:

Đợt 1: Chậm nhất là ngày 30/6/2015 Công ty Xuất nhập khẩu NLS trả 1.500.000.000 đồng

Đợt 2: Chậm nhất là ngày 30/9/2015 trả nốt số tiền còn lại cùng với lãi phát sinh theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với số tiền gốc chưa thanh toán.

Án sơ thẩm buộc Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần phải trả cho Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q số tiền gốc chưa thanh toán 2.991.635.978 đồng, tiền đặt cọc đường thủy 39.095.000 đồng, tiền đặt cọc đường bộ 25.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 26/6/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 1.738.439.666 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền phạt 745.000.000 đồng tương đương với 20% giá trị hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy mặc dù trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận mức phạt do vi phạm là 20% trên giá trị của hợp đồng, nhưng mức phạt trên đã vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ của hợp đồng bị vi phạm được quy định tại Điều 301 Luật thương mại, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm, buộc bị đơn phải chịu số tiền phạt là 239.330.878 đồng (8% x 2.991.635.978 đồng).

Như vậy, tổng số tiền Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần phải thanh toán cho Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q là: 2.991.635.978

đồng + 39.095.000 đồng + 25.000.000 đồng + 1.738.439.666 đồng + 239.330.878 đồng = 5.033.501.522 đồng.

Trong quá trình thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cơ quan thi hành án đã thi hành được 270.191.820 đồng của Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần trả cho Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q nên được khấu trừ vào số tiền 5.033.501.522 đồng. Do đó, Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần còn phải trả cho Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q số tiền 4.763.309.702 đồng.

Số tiền 500.000.000 đồng mà cơ quan thi hành án đã thu giữ của Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 301; Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn và sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2019/KDTM-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q đối với Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần.

2. Buộc Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần phải thanh toán cho Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q số tiền là 4.763.309.702 đồng

Tạm giữ số tiền 500.000.000 đồng mà Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội đã thu của Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu xin thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm:

Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.763.309 đồng, được trừ vào 25.208.180 đồng án phí kinh doanh thương mại (đã nộp) ngày 25/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 87.555.129 đồng.

Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.226.764 đồng, được trừ vào 56.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7055 ngày 16/10/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội, nên được trả lại 31.773.236 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm:

Trả lại Tổng công ty Xây dựng N – Công ty cổ phần số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số 9519 ngày 28/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Đ, tp Hà Nội;
- TAND quận Đ, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.